

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
(Đối với các môn cơ sở và môn chuyên ngành)
Môn: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp	TC	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	Ghi chú	
							HS1	HS2			L1	L2	TBM Môn	KQ1	TBM Môn	KQ2				
									4.0								6.0			6.0
1	117020068	H' Ben	6/24/1998	Nam	01DD10A1	3	5	6	5.67		5		5.3	Đạt			5.3	Đạt		
2	117030038	Đỗ Ngọc	Châm	1/30/2000	Nữ	01DD10C1	3			0.00	TBKT	0	0	0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
3	117020055	Nguyễn Hữu	Đức	12/12/1997	Nam	01DD10A1	3	5	5	5.00		4		4.4	Đạt			4.4	Đạt	
4	117020148	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	11/16/1999	Nữ	01DD10A1	3	4	6	5.33		5	6	5.1	Đạt			5.1	Đạt	
5	117020120	Vũ Thị	Hạnh	10/8/1992	Nữ	01DD10A1	3	6	5	5.33		5		5.1	Đạt			5.1	Đạt	
6	117030016	Nguyễn Thanh	Hòa	2/6/2002	Nam	01DD10C1	3	4	6	5.33		3	4	3.9	Thi lại	4.5	Đạt	4.5	Đạt	
7	117020140	Phạm Thị	Hoài	2/6/1999	Nữ	01DD10A1	3	6	6	6.00		5		5.4	Đạt			5.4	Đạt	
8	117020119	Nguyễn Thị	Hữu	1/13/1990	Nữ	01DD10A1	3	5	5	5.00		9		7.4	Đạt			7.4	Đạt	
9	117180027	Văn Thành	Huy	6/12/1995	Nam	01DD10A1	3			0.00	TBKT	0		0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
10	117020056	Phan Phạm Lê	Khang	8/19/1997	Nam	01DD10A1	3	7	4	5.00		4		4.4	Đạt			4.4	Đạt	
11	117030012	Nguyễn Anh	Khoa	7/6/2001	Nam	01DD10C1	3			0.00	TBKT	0	0	0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
12	217020076	Nguyễn Cảnh	Linh	3/3/1997	Nam	01DD10A1	3	4	6	5.33		5		5.1	Đạt			5.1	Đạt	
13	117020171	Nguyễn Hiền	Lưu	1/28/1983	Nam	01DD10A1	3	6	6	6.00		5		5.4	Đạt			5.4	Đạt	
14	117020074	Lê Thị	Ngân	8/20/1992	Nữ	01DD10A1	3	7	5	5.67		6		5.9	Đạt			5.9	Đạt	
15	117030030	Nguyễn Tổ	Quyên	11/14/2002	Nữ	01DD10C1	3	6	6	6.00		0	4	2.4	Thi lại	4.8	Đạt	4.8	Đạt	
16	117020110	Lô Khắc	Quyên	7/27/1998	Nam	01DD10A1	3	5	6	5.67		0		2.3	Thi lại	2.3	Học Lại	2.3	Học Lại	
17	117030056	Nguyễn Thị Mai	Thị	9/21/1999	Nữ	01DD10C1	3			0.00	TBKT	0	0	0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
18	117020124	Nguyễn Thanh	Thúy	1/3/1999	Nữ	01DD10A1	3	6	6	6.00		5		5.4	Đạt			5.4	Đạt	
19	117030067	Cao Nghĩa	Tĩnh	11/10/2000	Nam	01DD10C1	3			0.00	TBKT	0	0	0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
20	117020125	Nguyễn Thị Thu	Trang	8/22/1999	Nữ	01DD10A1	3			0.00	TBKT	0		0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
21	117020102	Phạm Khắc	Trực	6/28/1998	Nam	01DD10A1	3			0.00	TBKT	0		0.0	Thi lại	0.0	Học Lại	0.0	Học Lại	
	116030018	Trần Đức	Tân	25/10/1999	Nam	01DD09C1	4	5	6	5.67		4		4.7	Thi lại	2.3	Học Lại	2.3	Học Lại	
	116030055	Nguyễn Vũ Hoàng	Trình	08/02/2001	Nữ	01DD09C1	5	6	6	6.00		4		4.8	Thi lại	2.4	Học Lại	2.4	Học Lại	
	116030002	Hà Thị	Phượng	2/4/2000		01DD09C1	6	6	5	5.33		4		4.5	Thi lại	2.1	Học Lại	2.1	Học Lại	
	116030001	Cao Vũ Thùy	Linh	16/02/2001	Nữ	01DD09C1	7	5	6	5.67		4		4.7	Thi lại	2.3	Học Lại	2.3	Học Lại	